

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT

IB2500573769-00

Tên gói thầu

Kiểm toán công trình

Dự án/dự toán mua sắm

Phát hành ngày

Ban hành kèm theo quyết định

Ca Thị



Chương I: CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giai thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng có ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSĐT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Có ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Can trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Can trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Can trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Có tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để can trở hoạt động đấu thầu;</p>

<p>d) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát.</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phân công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phân công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>	<p>5. Tư cách hợp lệ</p> <p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p>
--	---

(Handwritten signature)

(Handwritten stamp)

<p>cửa nhà thầu</p>	<p>a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dự thầu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. Phần 2. Điều khoản tham chiếu: - Chương V. Điều khoản tham chiếu. Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng: - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. 6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được</p>

E-HSMT	<p>sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu cho chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải được chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần	E-HSDT bao gồm E-HSDXKT và E-HSDXTC:

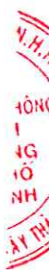
Cu H

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

<p>của E-HSDT</p>	<p>10.1. E-HSDXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSDXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. E-HSDXTC bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSDXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</p>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.</p>
<p>12. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>14. Đề xuất kỹ thuật</p>	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem</p>

	<p>xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>16. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. 16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu. 17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSDXKT</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSDXKT và công khai biên bản mở E-HSDXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 18.2. Biên bản mở E-HSDXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư;</p>

(Handwritten signature)



	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mớ thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSDXKT</p>	<p>19.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E-HSDXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (Ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về dấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong dấu thầu. - Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngưng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu, Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform. Trường hợp có sự sai

	<p>khác giữa thông tin kê khai trên webform so với tài liệu đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp không xác định được nhân sự đã kê khai trên webform hoặc nhân sự không tồn tại trên thực tế. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT.</p> <p>- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT.</p> <p>- Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá.</p> <p>- Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.</p> <p>19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSDXKT:</p> <p>Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tô chuyên gia không thể sửa đổi quá đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p>
<p>20. MỞ E-HSDXTC</p>	<p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá)

Cu Th
20



	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu	<p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, tổ chuyên gia lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Mục 24.2 E-CDNT.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSDT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuế thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính</p>

	<p>kèm các tài liệu này thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian</p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;</p>

Cu

05/05/2025 10:00

	<p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng; tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, nhân sự cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư¹ tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, chủ đầu tư chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp</p>

<p>thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. <p>27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu; trường hợp hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p> <p>Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Báo cáo đánh giá E-HSDT; b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần "Mô tả dịch vụ" của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng; b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự; c) Tiến độ; d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có); đ) Bổ trí điều kiện làm việc; e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định
--

Cu Thu

	<p>rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-DKCT của hợp đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư, chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Chủ đầu tư gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của chủ đầu tư.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu đề làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng</p>

	<p>khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p>

Cao Thị Đức



	<p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Tùy chọn mua thêm</p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đầu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá và năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu (nếu có); c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các chủ đầu tư có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà</p>

	thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>34.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu</p> <p>a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>b) Trường hợp kiến nghị lên chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p> <p>34.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện Theo quy định tại E-BDL.</p>

Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

Handwritten signature in blue ink.

Chương II - BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1

Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIÊN THÔNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

E-CDNT 1.2

Tên gói thầu: Kiểm toán công trình

Tên dự án/dự toán mua sắm:

E-CDNT 3

Nguồn vốn: Khấu hao tài sản cố định

E-CDNT 5.1 (c)

Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:

- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:
 - Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIÊN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.
 - Địa chỉ chủ đầu tư: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước.
- + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý.
- + Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.
- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:

Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên).¹

Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:

x
x
x
x

14
14



$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n \text{Xi} \times \text{Yi}$$

Trong đó:

Xi: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;

Yi: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;

n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.

E-CDNT 7.3

Hội nghị tiền đấu thầu: Không

E-CDNT 8

Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND

E-CDNT 10.3

Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Bảng tính tỷ lệ chào thầu quy định tại Chương V. Điều khoản tham chiếu; Bản chụp (scan) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/quyết định thành lập; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán độc lập; bản sao danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2025 được cập nhật và công khai trên trang <https://www.mof.gov.vn> có tên nhà thầu; Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh theo mẫu số 3 chương IV); Báo cáo tài chính của 3 năm gần nhất (2022-2023-2024); bản chụp của một trong các tài liệu sau: Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất tính đến ngày đóng thầu; Tờ khai quyết toán thuế có xác nhận của cơ quan quản lý thuế hoặc tờ khai quyết toán thuế điện tử và tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với tờ khai; Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong năm tài chính gần nhất; Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính; Về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự: Bản chụp các hợp đồng tương tự và các tài liệu chứng minh: biên bản nghiệm thu báo cáo kiểm toán/biên bản thanh lý hợp đồng, hóa đơn; Về Nhân sự chủ chốt thực hiện gói thầu Bản sao văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ kiểm toán viên, giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán còn hiệu lực, thẻ thăm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp, chứng chỉ hành nghề đấu thầu hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu và chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng 2 trở lên còn hiệu lực, các tài liệu chứng minh kinh nghiệm tham gia các gói kiểm toán của nhân sự chủ chốt như: hợp đồng kiểm

toán, báo cáo kiểm toán, biên bản nghiệm thu báo cáo kiểm toán/biên bản thanh lý hợp đồng, hóa đơn, danh sách Kiểm toán viên được công khai trên trang <https://www.mof.gov.vn>.

E-CDNT 12.2

Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu

E-CDNT 14.3

Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng

E-CDNT 15.1

Thời hạn hiệu lực của E-HSDT: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

E-CDNT 19.1

Phương pháp đánh giá E-HSDT là:

Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm

Đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

E-CDNT 21.2

Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất

E-CDNT 26.3

Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0 % giá dự thầu của nhà thầu

E-CDNT 28.4

Giá gói thầu đề làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá

Cu Th
kh

trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng)

E-CDNT 31

Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng;

E-CDNT 33.2

Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.

E-CDNT 34.1 (b)

- Người có thẩm quyền: Giám đốc Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH) – Viễn thông Thành phố Chí Minh.

+ Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh,;

+ E-mail: kiethm@vnpt.vn.

- Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng giải quyết kiến nghị:

+ Địa chỉ: Ban Quản lý Dự án Tây Thành phố - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – Viễn thông Thành phố Chí Minh -270B Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam..

+ E-mail: hanglt.hcm@vnpt.vn.

E-CDNT 34.2

+ Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Không thuộc trường hợp này.

+ Email của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: khongthuoctruonghophnay@vnpt.vn.

+ Địa chỉ của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: Không có.

Chương III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

STT	Nội dung
1	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022);
2	Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
3	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
4	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;
5	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;
6	Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có). Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

(Handwritten signature)

(Handwritten red stamp)

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết (nếu cần thiết) của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	15		
1.1	Số năm kinh nghiệm hoạt động kiểm toán (theo giấy đăng ký kinh doanh của nhà thầu) (Trường hợp liên danh từng thành viên phải đáp ứng) - Tài liệu chứng minh: Giấy đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập.	5	Từ 10 năm trở lên: 5 điểm. Từ 5 năm đến dưới 10 năm: 3,5 điểm. Dưới 5 năm: 0 điểm.	
1.2	Kinh nghiệm đã hoàn thành công tác kiểm toán các hợp đồng tương tự về công trình (dự án) hạ tầng kỹ thuật viễn thông hoặc công trình chuyên ngành Viễn thông trong 03 năm (2023-2024-2025). - Tài liệu chứng minh: Hợp đồng kiểm toán và Phụ lục Hợp đồng (nếu có); Hóa đơn; Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng với chủ đầu tư	5	> 03 hợp đồng: 5 điểm. Từ 02 - 03 hợp đồng: 3,5 điểm. < 02 hợp đồng: 0 điểm.	
1.3	Số lượng kiểm toán viên hành nghề tại nhà thầu. Tài liệu chứng minh: bản chụp Danh sách Kiểm toán viên được công khai trên trang http://www.mof.gov.vn của Bộ Tài chính cập nhật đến tháng 11/2025 - Trong đó: Có tối thiểu 04 Kiểm toán viên có thẻ Thẩm định viên về giá; có tối thiểu 02 Kiểm toán viên tốt nghiệp chuyên ngành luật và có tối thiểu 01 Kiểm toán viên tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật xây dựng. - Đối với nhà thầu liên danh thì số lượng kiểm toán viên của liên danh được tính là tổng	5	Có > 10 kiểm toán viên hành nghề đáp ứng: 5 điểm. Có từ 06 đến 10 kiểm toán viên hành nghề đáp ứng: 3,5 điểm. Có dưới 06 kiểm toán viên hành nghề đáp ứng: 0 điểm.	

	số lượng kiểm toán viên của các thành viên liên danh. Tuy nhiên từng thành viên liên danh phải có số lượng kiểm toán viên tương ứng với phần công việc đảm nhận trong liên danh.				
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (5% tổng số điểm)	5			
2.1	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (Không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng; Đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng; Được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, không ký kết hợp đồng); Thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó (Có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu; Có hợp đồng bị chậm tiến độ thực hiện hợp đồng)	5	Không có hợp đồng nào bị đánh giá là vi phạm: 5 điểm. Vi phạm hợp đồng, bị đăng tải vi phạm trên trang mạng đấu thầu quốc gia: 0 điểm.		
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)	30		21	
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu	5		3,5	
3.1.1	Nêu được hiểu biết của nhà thầu về tính đặc thù của các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông mà nhà thầu tham gia thực hiện kiểm toán nêu trong điều khoản tham chiếu.	2		Nêu được chi tiết, đầy đủ: 2 điểm. Nêu được nhưng chưa đầy đủ, chi tiết: 1,4 điểm. Không nêu được: 0 điểm.	1,4
3.1.2	Nêu được phạm vi công việc, các yêu cầu cụ thể về nội dung kiểm toán, các biểu chi tiết theo yêu cầu của bên mời thầu.	3		Nêu được chi tiết, đầy đủ: 3 điểm. Nêu được nhưng chưa đầy đủ, chi tiết: 2,1 điểm. Không nêu được: 0 điểm.	2,1
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	25			17,5
3.2.1	Nêu được kế hoạch công việc bao gồm tất cả các bước để thực hiện công việc kiểm toán theo thời gian dự thầu, đảm bảo logic	15		Nêu được chi tiết, đầy đủ: 15 điểm. Nêu được nhưng chưa	10,5

Cu Th
2024

		đề thực hiện đúng hạn. Cần mô tả cụ thể và phân tích một cách hoàn chỉnh, phù hợp, rõ ràng. Đề xuất kỹ thuật bao gồm các nhiệm vụ, phương án thực hiện kiểm toán đáp ứng yêu cầu các nội dung kiểm toán của gói thầu. (Có sơ đồ tổ chức thực hiện, bố trí nhân sự và bảng tiến độ thực hiện công việc và nộp báo cáo cho chủ đầu tư tương ứng với gói thầu nhà thầu dự kiến thực hiện)		đầy đủ, chi tiết: 10,5 điểm. Không nêu được: 0 điểm.	
3.2.2		Nêu được sự phối hợp trong quá trình kiểm toán giữa chủ đầu tư và đơn vị kiểm toán. Nhà thầu cung cấp các biểu mẫu chi tiết đề bên mời thầu có thể kiểm tra được mức độ phù hợp giữa khối lượng thực hiện trên bản vẽ hoàn công với bản vẽ thiết kế và biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành; kiểm tra được sự phù hợp của tiến độ thực hiện các gói thầu so với quy định hợp đồng; kiểm tra được tính đầy đủ của hoá đơn, chứng từ vật tư A cấp (nếu có)	7	Nêu được chi tiết, đầy đủ: 7 điểm. Nêu được nhưng chưa đầy đủ, chi tiết: 4,9 điểm. Không nêu được: 0 điểm.	4,9
3.2.3		Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai.	1	Nêu được chi tiết, đầy đủ: 1 điểm. Nêu được nhưng chưa đầy đủ, chi tiết: 0,7 điểm. Không nêu được: 0 điểm.	0,7
3.2.4		Đề xuất các phương án/giải pháp để nâng cao chất lượng công việc; cách tiếp cận và phương pháp luận của nhà thầu chuyên nghiệp và tiên tiến.	2	Nêu được chi tiết, đầy đủ: 2 điểm. Nêu được nhưng chưa đầy đủ, chi tiết: 1,4 điểm. Không nêu được: 0 điểm.	1,4
4		Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)	50		35
		Vị trí			
4.1		Trưởng đoàn kiểm toán	1		10,5
4.1.1		Có bằng đại học trở lên chuyên ngành kinh tế và chuyên ngành Viên thông hoặc Xây dựng Có giấy chứng nhận hành nghề kiểm	15	Có > 03 hợp đồng: 15 điểm. Có từ 01-03 hợp đồng: 10,5	10,5

	<p>toán còn hiệu lực do Bộ Tài chính cấp; có tên trong Danh sách Kiểm toán viên được cập nhật định kỳ và công khai thường xuyên trên trang thông tin điện tử công của Bộ Tài chính (www.mof.gov.vn) Có Thẻ thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp. Kinh nghiệm đã hoàn thành hợp đồng tương tự: kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành các công trình (dự án) hạ tầng kỹ thuật viễn thông hoặc chuyên ngành Viễn thông trong 03 năm (2023-2024-2025) với chức danh là trưởng đoàn kiểm toán hoặc chức danh tương đương. Tài liệu chứng minh gồm: + Hợp đồng kiểm toán và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) có tên nhân sự; + Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng với chủ đầu tư; Hóa đơn; + Báo cáo kiểm toán các hợp đồng đã thực hiện có chữ ký của nhân sự</p>	1	15	điểm. Không có hợp đồng nào: 0 điểm.	10,5
4.2	Tổ trưởng kiểm toán	1	15	Có > 03 hợp đồng: 15 điểm. Có từ 01-03 hợp đồng: 10,5 điểm. Không có hợp đồng nào: 0 điểm.	10,5
4.3	Kiểm toán viên hành nghề	4	10		7
4.3.1	Trình độ học vấn Có tối thiểu 01 nhân sự tốt nghiệp đại học		5	Có chứng chỉ kiểm toán viên	3,5

Cá nhân

	<p>chuyên ngành luật (phụ trách Kiểm toán phần pháp lý chung); có tối thiểu 01 nhân sự có thẻ Thẩm định viên về giá và có chứng chỉ hành nghề đấu thầu còn hiệu lực hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu - không trùng với các nhân sự mục 4.1, 4.2, 4.4). Tài liệu chứng minh gồm: Văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ kiểm toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán còn hiệu lực và có tên trong Danh sách Kiểm toán viên được cập nhật định kỳ và công khai thường xuyên trên trang thông tin điện tử công của Bộ Tài chính (www.mof.gov.vn), thẻ thẩm định viên về giá, chứng chỉ hành nghề đấu thầu hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.</p>		<p>do Bộ Tài chính cấp đủ điều kiện hành nghề tại thời điểm đóng thầu tại nhà thầu (tối thiểu 04 kiểm toán viên, trong đó có từ 1 kiểm toán viên tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành luật và có từ 2 kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề đấu thầu còn hiệu lực hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu và có thẻ thẩm định viên về giá: 5 điểm. Có chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính cấp đủ điều kiện hành nghề tại thời điểm đóng thầu tại nhà thầu (tối thiểu 04 kiểm toán viên, trong đó có từ 1 kiểm toán viên tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành luật và có từ 1 kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề đấu thầu còn hiệu lực hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu và có thẻ thẩm định viên về giá: 3,5 điểm. Không đáp ứng: 0 điểm.</p>	<p>3,5</p>
4.3.2	<p>- Các kiểm toán viên phải có kinh nghiệm đã hoàn thành công tác kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành các công trình (dự án) hạ tầng kỹ thuật viễn thông hoặc chuyên ngành Viễn thông trong 03 năm (2023-2024-2025). Tài liệu chứng minh gồm: + Hợp đồng kiểm toán và Phụ lục Hợp đồng (nếu có)</p>	5	<p>Có > 03 hợp đồng: 5 điểm. Có từ 01-03 hợp đồng: 3,5 điểm. Không có hợp đồng nào: 0 điểm.</p>	<p>3,5</p>

	có tên nhân sự; + Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng với chủ đầu tư; Hóa đơn + Báo cáo kiểm toán đã thực hiện có chữ ký của nhân sự	4	10	7
4.4	Kỹ thuật viên	4		
4.4.1	Trình độ học vấn Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng, cơ – điện, điện tử, viễn thông. Trong đó: 01 kỹ thuật viên có trình độ đại học chuyên ngành kinh tế và chuyên ngành kỹ thuật điện tử Viễn thông; có 01 kỹ thuật viên có thể thâm định viên về giá và có chứng chỉ hành nghề đầu thầu còn hiệu lực hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu; có đầu thầu; có tối thiểu 02 kỹ thuật viên có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng còn hiệu lực (không trùng với các nhân sự mục 4.1, 4.2, 4.3) Tài liệu chứng minh gồm: Văn bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học (nếu có); Thẻ Thâm định viên về giá; Chứng chỉ hành nghề đầu thầu; Chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá.	5	3,5	Nhân sự có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng, cơ – điện, điện tử, viễn thông Trong đó Có tối thiểu 01 kỹ thuật viên có trình độ đại học chuyên ngành kinh tế và chuyên ngành kỹ thuật điện tử Viễn thông; có 01 kỹ thuật viên có thể thâm định viên về giá và có chứng chỉ hành nghề đầu thầu còn hiệu lực hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu; có tối thiểu 02 kỹ thuật viên có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng còn hiệu lực: 5 điểm. Nhân sự có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng, cơ – điện, điện tử, viễn thông; trong đó có tối thiểu 01 kỹ thuật viên có trình độ đại học chuyên ngành kinh tế và chuyên ngành kỹ thuật điện tử Viễn thông; có 01 kỹ thuật viên có thể thâm định viên về giá và có chứng chỉ hành nghề đầu thầu còn hiệu lực hoặc

Các Thủ
2/2/2024



			<p>chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu; có tối thiểu 01 kỹ thuật viên có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng còn hiệu lực: 3,5 điểm. Không đáp ứng: 0 điểm</p>	
4.4.2	<p>- Các kỹ thuật viên phải có Kinh nghiệm đã hoàn thành công tác kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành các công trình (dự án) hạ tầng kỹ thuật viễn thông hoặc chuyên ngành Viễn thông trong 03 năm (2023-2024-2025). Tài liệu chứng minh gồm: + Hợp đồng kiểm toán và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) có tên nhân sự; + Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng với chủ đầu tư; Hóa đơn;</p>	5	<p>Có > 03 hợp đồng: 5 điểm. Có từ 01-03 hợp đồng: 3,5 điểm. Không có hợp đồng nào: 0 điểm.</p>	3,5
5	<p>Yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)</p>			
5.1			không yêu cầu	
	Tổng cộng (100%)	100		70

Ghi chú

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/

chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Trường hợp E-HSMT có quy định về số năm kinh nghiệm trong các công việc tương tự thì số năm kinh nghiệm này được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) là 100%.

- *Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.*

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Cu
th

PHÒNG QUẢN LÝ THI CÔNG
HÀNH VI VI PHẠM
C

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá đang xét} = \frac{G_{\text{hấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá đang xét: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;

+ $G_{\text{hấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp đang xét} = K \times \text{Điểm kỹ thuật đang xét} + G \times \text{Điểm giá đang xét}$$

Chương IV: BIỂU MẪU MỜI THẦU

Mẫu 01. Hạng mục công việc của gói thầu

1. Phân công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói: Áp dụng

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Kiểm toán công trình: Ngâm hóa cấp viên thông trên đường Hoàng Hoa Thám, Quận Tân Bình (từ Ngã 3 Trường Chinh đến Công Quán Sư). Hạng mục: Hạ ngầm cấp MDA- 070P210309BQL	Công trình	1
2	Kiểm toán công trình: Ngâm hóa cấp viên thông khu vực đường Hoàng Diệu 2 và khu vực UBND Phường Linh Chiểu (từ Kha Vạn Cân đến Lê Văn Chí) - Hạng mục: Hạ ngầm cấp MDA- 070P240177BQL	Công trình	1
3	Kiểm toán công trình: Ngâm hóa đường Trường Chinh từ cầu Tham Lương đến nút giao An Suông (phần hạ tầng hầm công) MDA- 070P200169BQL	Công trình	1
4	Kiểm toán công trình: Ngâm hóa mạng viễn thông bên trong các tuyến đường Nguyễn Kiệm, Hoàng Văn Thụ, Hồ Văn Huệ, Đào Duy Anh, Phó Quang, Hoàng Minh Giám, Đặng Văn Sâm, Quận Phú Nhuận - Hạng mục: Hầm công MDA- 070P230061BQL	Công trình	1
5	Kiểm toán công trình: Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội Viễn thông BHH, TTA - TTVT Bình Chánh năm 2025 MDA- 070P250019BQL	Công trình	1
6	Kiểm toán công trình: Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội Viễn thông BDI, HLO - TTVT Bình Chánh năm 2025 MDA- 070P250020BQL	Công trình	1
7	Kiểm toán công trình: Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội viễn thông ADV, LCH - TTVT Bình Chánh năm 2025 MDA- 070P250021BQL	Công trình	1
8	Kiểm toán công trình: Mở rộng mạng cáp quang ODN khu vực TTVT Học Môn - năm 2025 MDA- 070P250013BQL	Công trình	1
9	Kiểm toán công trình: Mở rộng mạng cáp quang khu vực Trung tâm Viễn thông Thủ Đức năm	Công trình	1

	2025 MDA- 070P250029BQL		
10	Kiểm toán công trình: Xây dựng hạ tầng viễn thông phục vụ Khu dân cư Phú Gia, phường Cát Lái, TP. Thủ Đức MDA- 070P250026BQL	Công trình	1
11	Kiểm toán công trình: Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội viễn thông VLO, LMX - TTVT Bình Chánh năm 2025 MDA- 070P250041BQL	Công trình	1
12	Kiểm toán công trình: Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội Viễn thông AHO, ANH và LQD khu vực Trung tâm Viễn thông Gia Định năm 2025 MDA- 070P250030BQL	Công trình	1
13	Kiểm toán công trình: Ngâm hoá mạng viễn thông tuyến đường Bà Hom (Hạng mục: Hạ ngầm cáp) MDA- 070P250059BQL	Công trình	1
14	Kiểm toán công trình: Ngâm hóa mạng viễn thông trên các tuyến đường Bình Phú, Trần Văn Kiêu (Hạng mục: Hạ ngầm cáp) MDA- 070P240042BQL	Công trình	1
15	Kiểm toán công trình: Ngâm hóa cáp viễn thông đường số 7, phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân (Hạng mục: hạ ngầm cáp) MDA- 070P230126BQL	Công trình	1
16	Kiểm toán công trình: Xây dựng mới tuyến cáp quang phục vụ nhà ga T3 thuộc Cảng hàng không Tân Sơn Nhất MDA- 070P240169BQL	Công trình	1

2. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói: Không áp dụng

Handwritten signature/initials in blue ink.

MẪU SỐ 02. ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSDXKT)

Ngày: __ [Hệ thống tự trích xuất]

Tên gói thầu: *Kiểm toán công trình*

Kính gửi: **CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIỆN THÔNG THÁNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống tự động trích xuất], Mã số thuế: ____ [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu *Kiểm toán công trình* số E-TBMT: **IB2500573769** theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDXKT: __ [Hệ thống tự động trích xuất từ E-TBMT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (Ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).
7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

*Cu Thị
xtr*

MẪU SỐ 03. THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Gửi đầu: *Kiểm toán công trình*

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Căn cứ _____⁽¹⁾: [Hệ thống tự động trích xuất]

Căn cứ _____⁽¹⁾: [Hệ thống tự động trích xuất]

Căn cứ E-HSMT gói thầu: *Kiểm toán công trình* với số E-TBMT: *IB2500573769*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [Hệ thống tự động trích xuất].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [Hệ thống tự động trích xuất] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ [Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾ :

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)]

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị
-----	-----	-----------------------------	-----------------

Cá nhân

			đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	-	%
2	Tên thành viên thứ 2	-	%
...	...	-	%
...	...	-	%
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	
			100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
 2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư.
- Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[*xác nhận, chữ ký số*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*xác nhận, chữ ký số*]

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kê cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

ca
th
xh

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đàm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng [trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu]	Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên]	Thời gian thực hiện gói thầu [ghi rõ từ ngày... đến ngày...]	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm

			thực hiện]	danh]	trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

*Các TH
20/11*

NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyên Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

Cá
Thư
sư

(TÀI
LIỆU
HỖ TRỢ
KỸ THUẬT
+ / N)

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỜNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/dại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ đề tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

*Cu Thị
ĐH*

MẪU SỐ 08. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							Tổng
		1	2	3	4	5	n	
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1: 1) Thu thập dữ liệu 2) Soạn thảo báo cáo 3) Báo cáo sơ bộ 4) Tổng hợp ý kiến 5) ... 6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

MẪU SỐ 09: DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

STT	Tên	Số định danh/ CMTND/ căn cước công dân/ Hộ chiếu	Chức danh bộ trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... ²	
I Nhân sự chủ chốt³									
1	Nguyễn Văn A		[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/ Nhân sự đi thuê)]	[Công ty] [Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
2					[Công ty] [Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II Nhân sự khác									
1			[Nhà thầu điền]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án:	[Công ty] [Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
									[Hệ thống tự tính]

Cau Thụ



MẪU SỐ 11. ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSDXTC)

Ngày: ____ [Hệ thống tự trích xuất]

Tên gói thầu: **Kiểm toán công trình**

Kính gửi: **CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIÊN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIÊN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [Hệ thống tự trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu **Kiểm toán công trình** số E-TBMT: **IB2500573769** theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ____ [Hệ thống tự trích xuất] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [Hệ thống tự động tính] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: ____ [Hệ thống tự trích xuất]

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

MẪU SỐ 14. CHI PHÍ HÀNG MỤC CÔNG VIỆC DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				
1					(M1)
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Chi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

MẪU SỐ 15. BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Thù lao cho chuyên gia	(A)
2	Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
3	Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
4	Tổng chi phí	A + B + M

Ghi chú:

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.

Cu Thu

11/03/2023 10:00:00 AM

TÀI LIỆU KHÁC THUỘC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH

STT	Tên tài liệu	File đính kèm
	Không có dữ liệu!	

Chương V: ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V: Điều khoản tham chiếu

Tài liệu đính kèm: Chương V - Điều khoản tham chiếu.pdf

Các file đính kèm khác:

11/2020

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1.1. “chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;1.9. “Hoàn thành” là việc nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	<ol style="list-style-type: none">2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:<ol style="list-style-type: none">a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;d) E-ĐKC của hợp đồng;đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu (nếu có);

	<p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và nhà thầu phải báo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà chủ đầu tư hoặc nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của chủ đầu tư hoặc nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>

(Handwritten signature)

5. Bản quyền	<p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, nhà thầu phải được chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiêu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.</p>
6. Bảo hiểm	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT.
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT.
13. Sửa đổi hợp đồng	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét

	<p>và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư; Tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu; Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng đề làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
<p>14. Nhân sự</p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
<p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p>	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này.

Cu Thụ



	<p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;</p> <p>b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;</p> <p>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có);</p> <p>d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;</p> <p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p>
<p>16. Nhà thầu phụ</p>	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa nhà thầu và nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại</p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>

<p>18. Tạm dừng hợp đồng</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu nhà thầu có biện pháp khác phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu</p> <p>a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-DKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu làm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-DKC, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư</p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-DKCT.</p>
<p>21. Trường hợp bất khả kháng</p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b)</p>

(Handwritten signature/initials)

(Red stamp: CHỖ CHỮ TÊN CHỨC VỤ VÀ CHỮ KÝ)

	<p>phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Ngưng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.</p> <p>21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)</p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị đình do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị đình lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của chủ đầu tư khi đã được chủ đầu tư thanh toán và nhà thầu sẽ đề cho chủ đầu tư sử dụng. <p>22. Giải quyết tranh chấp</p> <p>22.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p>
--	--

23. Thông báo

23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong **E-DKCT**.

23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Đang chờ cập nhật nội dung

Cá nhân

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1

Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIÊN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế:

Số tài khoản: 0371000697979 tại NH TMCP Ngoại Thương VN - CN TP.HCM

Điện thoại: 0914071737

Số Fax:

Email: honv.hcm@vnpt.vn

Đại diện ủy quyền (nếu có):

E-ĐKC 1.3

Nhà thầu:

E-ĐKC 1.10

Địa điểm dự án: Ban Quản lý dự án Tây Thành phố – Chi nhánh Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam – Viễn Thông Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: 270B, Lý Thường Kiệt, Phường Điện Hồng, TP.HCM, Việt Nam

E-ĐKC 1.11

Ngày hợp đồng có hiệu lực: Kể từ ngày ký hợp đồng

E-ĐKC 2.2(i)

Các tài liệu khác: không có

E-ĐKC 4.1

Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: 1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của chủ đầu tư, nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng đã ký với chủ đầu tư hoặc đại diện của chủ đầu tư cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng đó.

2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của chủ đầu tư, nhà thầu không được lợi dụng tin hoặc tài liệu nào nêu trong khoản 1 Điều này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.

3. Các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư. Khi chủ đầu tư có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng

E-ĐKC 5.1

Các trường hợp khác: Không áp dụng

E-ĐKC 7

Loại hợp đồng: Trọn gói

E-ĐKC 8

(Handwritten signature)

(Red stamp: MINH PHONG ANH)

Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp; giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.

E-BKC 10

10.1. Tạm ứng: Không tạm ứng

10.2. Thanh toán

Phương thức thanh toán: Tham chiếu tài liệu tại chương VII đính kèm

Đồng tiền thanh toán: VND

Số lần thanh toán: 1 lần

Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu 100% phí kiểm toán dự án sau khi trừ đi những khoản khấu trừ trong vòng 30 ngày kể từ khi chủ đầu tư nhận được quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cấp thẩm quyền

E-BKC 11

Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng

E-BKC 12

Thời hạn thực hiện hợp đồng: 30 ngày

E-BKC 13.1

Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 5 ngày

E-ĐKC 13.2 (e)

Các trường hợp khác: không có

E-ĐKC 14.2

Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 5 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư)

E-ĐKC 16.1

Danh sách nhà thầu phụ: __ [ghi danh sách nhà thầu phụ hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].

E-ĐKC 16.2

Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: % giá hợp đồng.

E-ĐKC 16.4

Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng

E-ĐKC 17

Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng

Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:

*Các
thực*



a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 1% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.

Tổng số tiền phạt không vượt quá: 18.485.327 VND. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.

b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-DKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

Quy định chi tiết:

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng

Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

E-DKC 19.1

Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: - Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu (người hoặc tổ chức) khác phần công việc thuộc hợp đồng;

- Nhà thầu từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng; hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng;

- Nhà thầu không thực hiện công việc theo hợp đồng trong vòng 30 ngày liên tục dẫn tới vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp được phép của chủ đầu tư;

- Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) phân xử.

- Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

- Nhà thầu không đáp ứng việc huy động nhân sự được quy định tại E-DKC của hợp đồng.

E-DKC 20

Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Không áp dụng

E-DKC 22.2

Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam hoặc Tòa án Nhân dân theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài hoặc Tòa án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

E-ĐKC 23.1

Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:

Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP: CÔNG TY TNHH) – VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0914071737

Fax:

E-mail: honv.hcm@vnpt.vn

Tên nhà thầu:

Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu:

Chu Thị Xuân

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Trường hợp ô điền thông tin không đủ độ dài để điền các nội dung về hợp đồng cụ thể hoặc không thể điền được công thức thì đính kèm.
Nếu có tham chiếu đến file đính kèm thì phải ghi rõ trong nội dung của trường tương ứng là "chi tiết xem tại mục File đính kèm": Chương VII - Điều kiện thanh toán.pdf

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.
Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong E-ĐKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.

Mẫu số 16

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Gói thầu: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ⁽²⁾ _____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống đề trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]





Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chu đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đổi với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chu đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;

2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;

3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

Cau Thị
ĐH

1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ

khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo đo nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

_____ [Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào

mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo đo nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

_____ [Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào

mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo đo nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

_____ Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

_____ [Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

4. Hợp đồng theo thời gian ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là [Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán] cho các khoản chi thực tế hoặc khoản gọn⁽⁴⁾ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và phôtô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được Chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được Chủ đầu tư phê duyệt. b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

_____ Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

_____ [Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

5. Phương thức thanh toán: _____ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDI và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ: _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN



[xác nhận, chữ ký số]

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng.
- (4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Mẫu số 17: Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____ [Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là _____ [Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là _____ [Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];

- Địa chỉ phương tiện điện tử: ___ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có) ...];

- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ___ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ ___ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ___ tháng ___ năm ___ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

*Cao Thị
Linh*

Mẫu số 18: Giấy ủy quyền

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có Địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đồng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đồng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu đề thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người

Cu Th
vi



khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

"Điều khoản tham chiếu" bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.

- Tên dự toán: Kiểm toán các dự án đầu tư xây dựng đợt 4 năm 2025
- Tên gói thầu: Kiểm toán công trình
- Giá gói thầu được duyệt (sau thuế GTGT 8%): 154.044.391 VNĐ
(Bằng chữ: Một trăm năm mươi bốn triệu, bốn mươi bốn ngàn, ba trăm chín mươi mốt đồng).
- Nguồn vốn: Khấu hao tài sản cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Lựa chọn nhà thầu tư vấn kiểm toán độc lập có năng lực và kinh nghiệm nhằm cung cấp Dịch vụ tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành để thực hiện việc rà soát, đánh giá và đưa ra các ý kiến nhận xét độc lập, khách quan về mức độ phù hợp của Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, mức độ trung thực, hợp lý của số liệu quyết toán vốn đầu tư cũng như việc tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư công trình theo quy định của pháp luật hiện hành về xây dựng trong quá trình quản lý thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản dự án hoàn thành, là cơ sở để chủ đầu tư phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

Việc kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành thực hiện cho các dự án đầu tư xây dựng có thông tin chi tiết như sau:

Stt	Mã DA	Tên DA	Quy mô	Tổng mức đầu tư trước thuế được duyệt (đồng)
1	070P21 0309B QL	Ngâm hóa cáp viễn thông trên đường Hoàng Hoa Thám, Quận Tân Bình (từ Ngã 3 Trường Chinh đến Công Quân Sự). Hạng mục: Hạ ngầm cáp	Thi công xây dựng tổ hợp công 02Pi110: 120m Thi công xây lắp các tuyến cáp quang các loại từ 02FO đến 96FO: 14,946 km Thu hồi cáp đồng và cáp quang các loại 9,896 km	1. CP Xây dựng: 667.900.673 Vật tư A: 240.262.136 2. CP Tư vấn: 53.452.102 3. CP QLDA: 1.818.182 4. CP khác không bao gồm kiểm toán: 2.058.236 Tổng cộng: 484.967.057
2	070P24 0177B QL	Ngâm hóa cáp viễn thông khu vực đường Hoàng Diệu 2 và khu vực	Thi công các tuyến cáp quang ngầm dung lượng cáp từ 02FO đến 96FO với tổng chiều dài: 35,649 km.	1. CP Xây dựng: 906.738.691 Vật tư A: 395.223.981 2. CP Tư vấn: 62.828.885 3. CP QLDA: 1.818.182

Handwritten signature/initials

Stt	Mã DA	Tên DA	Quy mô	Tổng mức đầu tư trước thuế được duyệt (đồng)
		UBND Phường Linh Chiểu (từ Kha Vạn Cân đến Lê Văn Chí) - Hạng mục: Hạ ngầm cáp	Xây dựng tủ quang 192FO: 02 tủ Thu hồi cáp đồng, cáp quang các loại: 4,025 km	4. CP khác không bao gồm kiểm toán: 1.495.769 Tổng cộng: 577.657.546
3	070P20 0169B QL	Ngâm hóa đường Trường Chinh từ cầu Tham Lương đến nút giao An Suong (phần hạ tầng hầm công)	Xây dựng tuyến pi tổ hợp 1P56-4P56 kết hợp 4P110-6P110 dưới đường với tổng chiều dài 1,216km Xây dựng tuyến pi tổ hợp 1P56-5P56 kết hợp 2P110-4P110 trên hẻm BTXM với tổng chiều dài 0,453km Xây dựng tuyến pi tổ hợp 1P56-5P56 kết hợp 1P110-6P110 trên hè với tổng chiều dài 5,615km Xây dựng 11 hầm F1N và 04 bộ tủ cáp	1. CP Xây dựng: 3.570.372.718 Vật tư A: 1.388.511.854 2. CP Tư vấn: 156.760.604 3. CP QLDA: 1.818.182 4. CP khác không bao gồm kiểm toán: 771.696.659 Tổng cộng: 3.112.136.309
4	070P23 0061B QL	Ngâm hóa mạng viễn thông bên trong các tuyến đường Nguyễn Kiệm, Hoàng Văn Thụ, Hồ Văn Huê, Đào Duy Anh, Phổ Quang, Hoàng Minh Giám, Đặng Văn Sâm, Quận Phú Nhuận - Hạng mục: Hầm công	Xây dựng các tổ hợp công từ 01Pi110 đến 06Pi110, kết hợp với 01Pi56 đến 04Pi56 trên lề và dưới lòng đường với tổng chiều dài: 1.537m Xây dựng 12 hầm 1 nắp và 01 bộ tủ cáp quang 192FO Tái lập mương cáp dưới lòng đường và vỉa hè	1. CP Xây dựng: 890.801.087 Vật tư A: 372.275.136 2. CP Tư vấn: 60.364.497 3. CP QLDA: 1.818.182 4. CP khác không bao gồm kiểm toán: 697.109.292 Tổng cộng: 1.277.817.922

Stt	Mã DA	Tên DA	Quy mô	Tổng mức đầu tư trước thuế được duyệt (đồng)
5	070P25 0019B QL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội Viễn thông BHH, TTA - TTVT Bình Chánh năm 2025	Kéo tuyến cáp quang ngầm và treo các loại với tổng chiều dài: 42,718km Thi công lắp đặt tuyến Pi38: 170m Thi công tuyến Pi110 dưới đường: 25m Tủ cáp quang 192FO: 05 tủ	1. CP Xây dựng: 925.904.448 Vật tư A: 482.118.530 2. CP Tư vấn: 106.035.223 3. CP khác không bao gồm kiểm toán: 32.530.033 Tổng cộng: 582.351.174
6	070P25 0020B QL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội Viễn thông BDI, HLO - TTVT Bình Chánh năm 2025	Kéo tuyến cáp quang ngầm và treo các loại với tổng chiều dài: 75,593km OTB (Outdoor, 96FO, SC/APC) (nguyên bộ): 1 bộ Tủ cáp quang 192FO: 08 tủ	1. CP Xây dựng: 1.469.760.988 Vật tư A: 743.862.060 2. CP Tư vấn: 180.260.788 3. CP khác không bao gồm kiểm toán: 53.561.883 Tổng cộng: 959.721.599
7	070P25 0021B QL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội viễn thông ADV, LCH - TTVT Bình Chánh năm 2025	Kéo tuyến cáp quang ngầm và treo các loại với tổng chiều dài: 23,295km Thi công tuyến 1Pi110 trên lều: 4m Tủ cáp quang 192FO: 04 tủ	1. CP Xây dựng: 616.756.100 Vật tư A: 322.716.206 2. CP Tư vấn: 62.831.586 3. CP khác không bao gồm kiểm toán: 12.438.276 Tổng cộng: 369.309.756
8	070P25 0013B QL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực ODN khu vực TTVT Hóc Môn - năm 2025	Xây dựng mới tuyến cáp quang kéo treo các loại với tổng chiều dài: 63,18km Xây dựng mới tuyến cáp quang kéo ngầm các loại với tổng chiều dài: 0,70km Lắp đặt mới hộp Splitter 1:8: 232 bộ Lắp đặt tủ cáp treo 96FO: 08 tủ	1. CP Xây dựng: 1.210.168.880 Vật tư A: 554.165.370 2. CP Tư vấn: 151.115.308 3. CP khác không bao gồm kiểm toán: 45.577.076 Tổng cộng: 852.695.894
9	070P25 0029B QL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Trung tâm Viễn thông Thủ Đức năm 2025	Thi công kéo cáp quang các loại dung lượng từ 06FO đến 96FO có tổng chiều dài: 78,606km Thi công tuyến công 1P110 trên vỉa hè có tổng chiều dài: 0,008km Thi công xây dựng mới bộ tủ quang 192FO: 14 cái	1. CP Xây dựng: 1.989.956.420 Vật tư A: 998.547.862 2. CP Tư vấn: 209.319.825 3. CP khác không bao gồm kiểm toán: 42.601.643 Tổng cộng: 1.243.330.026

Stt	Mã DA	Tên DA	Quy mô	Tổng mức đầu tư trước thuế được duyệt (đồng)
			Lắp đặt tủ cáp quang 192FO: 17 cái	
10	070P25 0026B QL	Xây dựng hạ tầng viễn thông phục vụ Khu dân cư Phú Gia, phường Cát Lái, TP. Thủ Đức	Xây dựng tổ hợp pi các loại có tổng chiều dài tuyến: 2,224.8km Xây dựng mới hầm 1 nắp: 15 hầm Xây dựng mới hầm phối 360x660mm: 16 hầm Xây dựng cáp quang ngầm, treo từ 06FO đến 48FO tổng chiều dài: 3,0km Măng xông cáp quang từ 12FO đến 48FO: 15 bộ Splitter (rời, 1:8, đầu để hàn): 12 cái Splitter (Module, IN, 1:8, SC/APC): 02 cái	1. CP Xây dựng: 726.773.058 Vật tư A: 204.084.050 2. CP Tư vấn: 38.511.990 3. CP khác không bao gồm kiểm toán: 246.298.246 Tổng cộng: 807.499.244
11	070P25 0041B QL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội viễn thông VLO, LMX - TTVT Bình Chánh năm 2025	Thi công cáp quang treo các loại có tổng chiều dài: 76,090km Thi công cáp quang ngầm các loại có tổng chiều dài: 1,350km Thi công xây dựng bệ tủ quang và lắp đặt tủ quang (192FO): 04 tủ	1. CP Xây dựng: 1.299.047.546 Vật tư A: 672.714.810 2. CP Tư vấn: 173.784.059 3. CP khác không bao gồm kiểm toán: 52.902.927 Tổng cộng: 853.019.722
12	070P25 0030B QL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội Viễn thông AHO, ANH và LQD khu vực Trung tâm Viễn thông Gia Định năm 2025	Xây dựng tuyến cáp quang các loại từ 06FO đến 96FO, tổng chiều dài: 23,934km Tủ cáp quang 192FO: 05 tủ	1. CP Xây dựng: 686.971.155 Vật tư A: 327.681.030 2. CP Tư vấn: 67.079.651 3. CP khác không bao gồm kiểm toán: 10.041.792 Tổng cộng: 436.411.568

Stt	Mã DA	Tên DA	Quy mô	Tổng mức đầu tư trước thuế được duyệt (đồng)
13	070P25 0059B QL	Ngâm hoá mạng viễn thông tuyến đường Bà Hom (Hạng mục: hạ ngầm cáp)	Thi công xây dựng các tổ hợp công trên lề và dưới lòng đường: 0,021km Thi công xây dựng 03 bộ tủ cáp quang 192FO Thi công tuyến cáp quang từ 02FO đến 96FO trong công bề: 27,61km Thi công tuyến cáp quang từ 06FO đến 24FO trên tuyến cột: 0,455km Thi công thu hồi cáp quang các loại: 7,681km Thi công thu hồi cáp đồng các loại: 11,363km	1. CP Xây dựng: 851.233.705 Vật tư A: 345.922.946 2. CP Tư vấn: 56.740.280 3. CP khác không bao gồm kiểm toán: 14.338.659 Tổng cộng: 576.389.698
14	070P24 0042B QL	Ngâm hóa mạng viễn thông trên các tuyến đường Bình Phú, Trần Văn Kiêu (Hạng mục: Hạ ngầm cáp)	Thi công xây dựng mới tuyến cáp quang các loại (ngâm và treo) có tổng chiều dài: 41,920km Thi công thu hồi cáp quang các loại: 10,590km	1. CP Xây dựng: 1.234.326.624 Vật tư A: 524.211.071 2. CP Tư vấn: 58.723.115 3. CP QLDA: 1.818.182 4. CP khác không bao gồm kiểm toán: 3.085.817 Tổng cộng: 773.742.667
15	070P23 0126B QL	Ngâm hóa cáp viễn thông đường số 7, phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân (Hạng mục: hạ ngầm cáp)	Xây dựng mới cáp quang ngầm treo các loại với tổng chiều dài 48,185km Lắp đặt, hàn nối mạng xông quang, hộp OTB, hộp Splitter các loại.	1. CP Xây dựng: 1.681.826.520 Vật tư A: 811.617.517 2. CP Tư vấn: 103.811.544 3. CP QLDA: 1.818.182 4. CP khác không bao gồm kiểm toán: 3.083.445 Tổng cộng: 978.922.174
16	070P24 0169B QL	Xây dựng mới tuyến cáp quang phục vụ nhà ga T3 thuộc Cảng hàng không Tân Sơn Nhất	Thi công kéo cáp quang từ 04FO đến 96FO trong các tuyến ống, máng cáp và ống nhựa dài 33.860m Lắp đặt hộp OTB 04FO (Outdoor, SC/APC): 102 bộ Lắp đặt hộp OTB 48FO và 96FO (Indoor, SC/APC): 10 bộ Lắp đặt hộp ODF 12FO và 96FO (gắn rack 19"): 57 bộ Lắp đặt 96FO gắn rack 19" tập trung kiểu Tyco: 04 bộ	1. CP Xây dựng: 1.354.352.633 Vật tư A: 457.987.550 2. CP Tư vấn: 71.489.345 3. CP QLDA: 1.818.182 4. CP khác không bao gồm kiểm toán: 2.031.529 Tổng cộng: 971.704.139

Stt	Mã DA	Tên DA	Quy mô	Tổng mức đầu tư trước thuế được duyệt (đồng)
			Hàn nối mạng xông quang treo 96FO: 04 bộ Lắp đặt tủ rack 19", 42U (có ru lô quán dây nhảy quang): 02 cái Thi công lắp đặt máng cáp 200x2x1.5: 132m Thi công lắp đặt nổi ống nhựa D25 chống cháy: 2.040m	

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc cơ bản.

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý của dự án;
- Kiểm tra nguồn vốn đầu tư của dự án, gồm: Kế hoạch nguồn vốn của Dự án, số vốn Bên A đã nhận được đến ngày lập quyết toán, Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án đến ngày lập quyết toán;
- Kiểm tra chi phí đầu tư: Căn cứ tổng mức đầu tư được duyệt và Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán theo công trình, hạng mục hoàn thành, kiểm toán thực hiện kiểm tra lần lượt theo cơ cấu chi phí ghi trong tổng mức đầu tư: Chi phí xây dựng bao gồm vật tư A cấp, chi phí thiết bị; Chi phí quản lý dự án; Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; Chi phí khác.
- Kiểm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào tài sản hình thành qua đầu tư;
- Kiểm tra giá trị tài sản hoàn thành qua đầu tư; nguồn vốn đầu tư cho từng tài sản;
- Kiểm tra tình hình công nợ, giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng.
- Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều tra dự án.
- Nhận xét, đánh giá, kiến nghị.

2. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu tư vấn phải tiến hành.

a) Lập kế hoạch kiểm toán: Trước khi lập kế hoạch kiểm toán, nhà thầu phải khảo sát, thu thập thông tin về dự án, đánh giá thông tin đã thu thập được để nhận biết được các sự kiện, nghiệp vụ và vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến công tác kiểm toán và khả năng hoàn thành công việc theo kế hoạch nêu ra. Kế hoạch kiểm toán tổng thể phải bao gồm:

- Lập kế hoạch kiểm toán: căn cứ vào thông tin đã thu thập được, nguồn lực hiện có và tiến độ yêu cầu, nhà thầu lập kế hoạch kiểm toán theo mẫu quy định, gồm 2 phần:
 - + Kế hoạch kiểm toán tổng thể: Mô tả phạm vi và cách thức tiến hành cuộc kiểm toán. Kế hoạch tổng thể phải đầy đủ, chi tiết, làm cơ sở để lập chương trình kiểm toán.

Kế hoạch kiểm toán tổng thể phải thể hiện được sự hiểu biết của nhà thầu về tính chất quy mô của dự án, các chế độ chính sách về XD/CB, chế độ kế toán qua các thời gian thực hiện dự án.

+ Chương trình kiểm toán: Xác định nội dung, lịch trình kiểm toán và phạm vi các thủ tục kiểm toán cần thiết để thực hiện kế hoạch kiểm toán tổng thể.

- Kế hoạch kiểm toán phải có phương án phối hợp giữa nhà thầu kiểm toán với chủ đầu tư, các bên liên quan nhằm mục đích thu thập và củng cố căn cứ để đưa ra ý kiến khách quan, trong mọi trường hợp thông tin phải được trao đổi và phải được thông qua chủ đầu tư trước khi thông qua các cơ quan chức năng hay các đơn vị có liên quan khác.

- Trường hợp nhà thầu có kế hoạch thực hiện kiểm toán ngoài hiện trường, đo đạc, chụp ảnh hiện trạng thì sau khi kiểm tra thực tế, nhà thầu phải gửi cho bên mời thầu các biên bản hoặc báo cáo kiểm tra hiện trường.

- Kế hoạch kiểm toán phải thể hiện chi tiết: tiến độ kiểm toán, phân đoạn công việc kiểm toán, thời điểm và thời gian huy động kiểm toán viên phù hợp với kế hoạch kiểm toán (kèm bảng biểu mô tả kế hoạch chi tiết).

b) Thực hiện kiểm toán.

- Căn cứ kiểm toán:

+ Các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam (ban hành theo các Quyết định của BTC)

+ Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo từng giai đoạn thực hiện dự án.

+ Các định mức, đơn giá xây dựng cơ bản của Nhà nước, thông báo giá vật tư vật liệu của địa phương, ngành.

+ Các chế độ quản lý tài chính, kế toán của Nhà nước.

+ Các hồ sơ, tài liệu của dự án theo quy định của Nhà nước do CĐT cung cấp.

+ Và các quy định hiện hành liên quan khác.

- Yêu cầu cụ thể về công tác kiểm toán.

+ Kiểm tra hồ sơ pháp lý của dự án;

+ Kiểm tra nguồn vốn đầu tư của dự án;

+ Kiểm tra chi phí đầu tư;

+ Kiểm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản;

+ Kiểm tra việc xác định số lượng, giá trị tài sản hình thành qua đầu tư;

+ Kiểm tra tình hình công nợ;

+ Xem xét việc thực hiện kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra (nếu có);

+ Xem xét trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư.

- Kết thúc kiểm toán: Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán, nhà thầu phải thực hiện các thủ tục sau:

+ Phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán.

+ Lập báo cáo kiểm toán (gồm báo cáo dự thảo từng đợt kiểm toán, báo cáo chính thức)

+ Xử lý các công việc phát sinh sau khi phát hành báo cáo kiểm toán.

+ Phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán:

- Quy trình phân tích được thực hiện từ khi lập Kế hoạch kiểm toán, quá trình thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra kết luận về tính trung thực và hợp lý của Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành; chỉ ra được những điểm cần phải kiểm tra bổ sung; phát hiện những chênh lệch trọng yếu hoặc mối liên hệ mâu thuẫn thì kiểm toán viên phải thực hiện kiểm tra bổ sung để hoàn chỉnh báo cáo kiểm toán.
- Thực hiện quy trình phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán nhằm giúp kiểm toán viên xác định, đưa ra ý kiến đánh giá về mức độ phù hợp của Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành so với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, mức độ trung thực, hợp lý của số liệu quyết toán vốn đầu tư cũng như việc tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình đầu tư xây dựng dự án.

+ Lập báo cáo kiểm toán:

- Báo cáo kiểm toán phải được lập và trình bày theo những nội dung quy định tại Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 1000 và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.
- Thư quản lý (nếu có) là báo cáo của kiểm toán viên nêu lên các vấn đề đã phát hiện trong quá trình kiểm toán, giúp Chủ đầu tư, chủ đầu tư hoàn thiện hơn nữa về công tác quản lý dự án nói chung và quản lý tài chính nói riêng. Mỗi vấn đề trong thư quản lý được trình bày theo các khía cạnh thực tế, ảnh hưởng, đề xuất của kiểm toán viên và ý kiến phản hồi của Chủ đầu tư.
- Báo cáo kiểm toán chính thức phải được Chủ đầu tư chấp thuận, để phát hành kiểm toán chính thức nhà thầu phải thực hiện theo trình tự sau:
 - Dự thảo Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý (nếu có);
 - Hai bên trao đổi thống nhất Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý (nếu có) về số liệu kiểm toán.
 - Nhà thầu hoàn thiện Báo cáo kiểm toán
 - Công bố, phát hành chính thức.
 - Báo cáo kiểm toán phải có chữ ký của kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

+ Xử lý các công việc phát sinh sau khi phát hành báo cáo kiểm toán: Sau ngày công bố Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, nếu kiểm toán viên và nhà thầu nhận thấy có sai sót trong kết quả kiểm toán hoặc có sự kiện phát sinh làm ảnh hưởng trọng yếu đến kết luận kiểm toán đã công bố thì kiểm toán viên và nhà thầu phải có các biện pháp xử lý theo quy định của Chuẩn mực kiểm toán số 1000 và phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

c) Quy trình kiểm toán:

- Đề xuất các quy trình kiểm toán để thực hiện các nội dung yêu cầu cụ thể trên, quy trình phải được cụ thể, rõ ràng và phù hợp với từng nội dung yêu cầu. Quy trình phải được lập trên cơ sở các quy định của Luật kiểm toán nhà nước, Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Nhà nước, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và phải phù hợp với quy mô, tính chất của dự án.

- Quy trình kiểm toán phải đưa ra được những công việc cụ thể, mang tính đặc thù đối với kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

d) Kiểm soát chất lượng kiểm toán:

Nhà thầu phải thiết lập một cơ chế kiểm soát chất lượng kiểm toán chặt chẽ, có hiệu quả, nhằm đánh giá một cách khách quan về các đánh giá quan trọng mà kiểm toán viên đã thực hiện và các kết quả mà họ đưa ra trong quá trình lập báo cáo kiểm toán trước khi phát hành chính thức. Việc kiểm soát chất lượng sản phẩm kiểm toán nhằm bảo đảm rằng kết quả kiểm toán của nhà thầu là hoàn toàn đảm bảo chất lượng.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Báo cáo trong quá trình thực hiện:

- Thư quản lý (nếu có) là báo cáo của kiểm toán viên nêu lên các vấn đề đã phát hiện trong quá trình kiểm toán, giúp Chủ đầu tư, chủ đầu tư hoàn thiện hơn nữa về công tác quản lý dự án nói chung và quản lý tài chính nói riêng. Mỗi vấn đề trong thư quản lý được trình bày theo các khía cạnh thực tế, ảnh hưởng, đề xuất của kiểm toán viên và ý kiến phản hồi của Chủ đầu tư.

- Báo cáo kiểm toán chính thức phải được Chủ đầu tư chấp thuận, để phát hành kiểm toán chính thức nhà thầu phải thực hiện theo trình tự sau:

- Dự thảo Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý (nếu có);
- Hai bên trao đổi thống nhất Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý (nếu có) về số liệu kiểm toán.
- Nhà thầu hoàn thiện Báo cáo kiểm toán
- Công bố, phát hành chính thức.

- Báo cáo kiểm toán phải có chữ ký của kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật. Báo cáo kiểm toán được lập thành năm (05) bộ bằng tiếng Việt. Bên B lưu giữ hai (02) bộ, cung cấp cho Bên A ba (03) bộ.

2. Thời gian thực hiện:

- Thời gian bắt đầu triển khai kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được bắt đầu kể từ khi chủ đầu tư thông báo bằng văn bản yêu cầu thực hiện kiểm toán.

- Nhà thầu phải lập kế hoạch thực hiện kiểm toán và kế hoạch bố trí nhân sự đảm bảo tiến độ kiểm toán tất cả các dự án trong phạm vi của gói thầu qui định trong hợp đồng.

Thời gian thực hiện các cuộc kiểm toán không bao gồm thời gian chờ chủ đầu tư cung cấp hồ sơ báo cáo quyết toán, thời gian chờ thống nhất dự thảo kiểm toán.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Nhà thầu sẽ cung cấp nhân sự phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Mục 2 Chương III – E-HSMT để thực hiện một cách đầy đủ những nghĩa vụ của mình đối với dự án này. Việc bố trí nhân sự theo tiến độ thời hạn để đảm bảo tiến độ của dự án.

- Nêu rõ cách thức làm việc của nhóm cung cấp dịch vụ, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng vị trí.



- Kiểm toán viên và các kỹ thuật phải tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, chính trực, khách quan; có năng lực chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm thực tế và tính thận trọng, bí mật; có tư cách nghề nghiệp và tuân thủ chuẩn mực chuyên môn.

- Kiểm toán viên phải được giao việc phù hợp với năng lực chuyên môn, hiểu rõ và nhất quán về quy trình kiểm toán, kế hoạch tổ chức thực hiện kiểm toán và phải được hướng dẫn đầy đủ, giám sát từng bước công việc theo đúng quy trình kiểm toán

Trường hợp Chủ Đầu tư có yêu cầu nhân sự kiểm toán có mặt tại Trụ sở của Chủ đầu tư trong suốt quá trình kiểm toán dự án (khi có văn bản mời của chủ đầu tư) thì Nhà thầu phải đáp ứng. Nếu nhà thầu kiểm toán không đủ nhân sự, hoặc đủ nhưng nhân sự không đúng (so với đề xuất dự thầu) chủ đầu tư sẽ lập biên bản đình chỉ đoàn kiểm toán và nhắc nhở, nếu vi phạm nhiều lần (≥ 2 lần) chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Tạo điều kiện tốt nhất có thể về giấy phép làm việc,... để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành.

- Hướng dẫn nhà thầu về những nội dung liên quan đến dự án/kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu;

- Đôn đốc, yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định.

- Lập và quản lý hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành đúng quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán đúng thời gian quy định tại văn bản 8764/VNPT-KTTC ngày 24/10/2025 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành theo yêu cầu của kiểm toán viên khi kiểm toán báo cáo quyết toán và cơ quan thẩm tra quyết toán.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

VI. Điều chỉnh giá hợp đồng

Các bên lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá trị hợp đồng trong các trường hợp sau:

1. Sau khi dự án/công trình được kiểm toán, chi phí kiểm toán của dự án/công trình trong báo cáo kiểm toán phát hành và là cơ sở điều chỉnh giá hợp đồng được xác định như sau:

- Chi phí kiểm toán của dự án/công trình = [{Tổng giá trị quyết toán của dự án/công trình (được các bên thống nhất) không bao gồm chi phí kiểm toán và chi phí vật tư chủ đầu tư cấp (trước thuế VAT)} x {Tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán (vận dụng quy định tại Khoản 1, Điều 45 của Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/09/2025 của Chính phủ)} x Tỷ lệ chào thầu] + VAT

* Tỷ lệ chào thầu = Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá / Giá dự toán gói thầu.

* Tỷ lệ chào thầu sẽ không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

2. Bảng tính tỷ lệ chào thầu:

Stt	Diễn giải		Giá gói thầu được duyệt (sau thuế GTGT 8%) (đồng)	Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (sau thuế GTGT 8%) (đồng)	Tỷ lệ chào thầu (%)	Ghi chú
	Mã DA	Tên DA				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)
Kiểm toán công trình			154.044.391			
1	070P210 309BQL	Ngâm hóa cáp viễn thông trên đường Hoàng Hoa Thám, Quận Tân Bình (từ Ngã 3 Trường Chinh đến Công Quân Sự). Hạng mục: Hạ ngầm cáp	5.028.140			
2	070P240 177BQL	Ngâm hóa cáp viễn thông khu vực đường Hoàng Diệu 2 và khu vực UBND Phường Linh Chiểu (từ Kha Vạn Cân đến Lê Văn Chí) - Hạng mục: Hạ ngầm cáp	5.989.153			
3	070P200 169BQL	Ngâm hóa đường Trường Chinh từ cầu Tham Lương đến nút giao An Sương (phần hạ tầng hầm công)	32.266.630			
4	070P230 061BQL	Ngâm hóa mạng viễn thông bên trong các tuyến đường Nguyễn Kiệm, Hoàng Văn Thụ, Hồ Văn Huê, Đào Duy Anh, Phở Quang, Hoàng Minh Giám, Đặng Văn Sâm, Quận Phú Nhuận - Hạng mục: Hầm công	13.248.416			
5	070P250 019BQL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội Viễn thông BHH, TTA - TTVT Bình Chánh năm 2025	6.037.818			
6	070P250 020BQL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội Viễn thông BDI, HLO - TTVT Bình Chánh năm 2025	9.950.393			

T.T.T.
 ANH
 OÀN
 HIỆN
 NAY
 THỎ
 NH P
 HÍ M
 DU AN

Handwritten signature

7	070P250 021BQL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội viên thông ADV, LCH - TTVT Bình Chánh năm 2025	3.829.004			
8	070P250 013BQL	Mở rộng mạng cáp quang ODN khu vực TTVT Hóc Môn - năm 2025	8.840.751			
9	070P250 029BQL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Trung tâm Viễn thông Thủ Đức năm 2025	12.890.845			
10	070P250 026BQL	Xây dựng hạ tầng viễn thông phục vụ Khu dân cư Phú Gia, phường Cát Lái, TP. Thủ Đức	8.372.152			
11	070P250 041BQL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội viên thông VLO, LMX - TTVT Bình Chánh năm 2025	8.844.108			
12	070P250 030BQL	Mở rộng mạng cáp quang khu vực Đội Viên thông AHO, ANH và LQD khu vực Trung tâm Viễn thông Gia Định năm 2025	4.524.715			
13	070P250 059BQL	Ngâm hoá mạng viễn thông tuyến đường Bà Hom (Hạng mục: Hạ ngầm cáp)	5.976.008			
14	070P240 042BQL	Ngâm hóa mạng viễn thông trên các tuyến đường Bình Phú, Trần Văn Kiêu (Hạng mục: Hạ ngầm cáp)	8.022.164			
15	070P230 126BQL	Ngâm hóa cáp viễn thông đường số 7, phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân (Hạng mục: hạ ngầm cáp)	10.149.465			
16	070P240 169BQL	Xây dựng mới tuyến cáp quang phục vụ nhà ga T3 thuộc Cảng hàng không Tân Sơn Nhất	10.074.629			

Ghi chú:

- Tỷ lệ chào thầu = Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá / Giá dự toán gói thầu.
- Tỷ lệ chào thầu sẽ không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

Việc đàm phán ký kết hợp đồng sẽ được thực hiện theo từng hạng mục công việc, đảm bảo tuân thủ quy định và không trở ngại trong quá trình thanh quyết toán của chủ đầu tư.

V.H.
HÔNG
NG
HỒ
NH
TAY TH

Handwritten signature

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 10

10.2. Thanh toán

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

Chứng từ thanh toán gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu
- Báo cáo kiểm toán chính thức của dự án;
- Biên bản nghiệm thu kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;
- Biên bản xác nhận tiến độ kiểm toán của dự án; Biên bản phạt tiến độ (nếu có);
- Hóa đơn giá trị gia tăng của dự án;
- Biên bản thanh lý hợp đồng.

Thông tin ghi trên hóa đơn xuất cho chủ đầu tư:

- Tên đơn vị:

Chi Nhánh Tập Đoàn Bru Chính Viễn Thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH) – Viễn Thông Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoặc VNPT thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Mã số thuế: 0300954529



Handwritten signature in blue ink.

